

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH C.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/DS-ST
Ngày 15-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH C.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng.

Ông Trịnh Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C..

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Ngày 12-02-2020, bà Đặng Thị T2 có mượn bà số tiền 5.000.000 đồng nhưng đến nay không thanh toán. Nên bà yêu cầu bà T2 trả số tiền 5.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị T2 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn

cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T2.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Tại biên nhận ngày 12/02/2022 thể hiện: “Tôi tên Đặng Thị T2 có mượn nợ của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn trả 10 ngày”. Bà T1 xác định bà T2 chưa trả số tiền này nên khởi kiện tại Tòa án. Bà T2 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà T2 có nợ bà T1 số tiền 5.000.000 đồng như bà T1 trình bày thể hiện tại biên nhận ngày 12/02/2020, vì vậy bà T1 yêu cầu bà T2 trả tiền là có căn cứ chấp nhận nên buộc bà Đặng Thị T2

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên chị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1. Buộc bà Đặng Thị T2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0010314 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh C..

Bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C.;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng